

Bản án số: 20/2022/HS-ST

Ngày: 28/7/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ánh Đông.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Kia.

2. Ông Nguyễn Văn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Huyền Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 28/7/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 16/2022/TLST-HS ngày 02/6/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXXST-HS ngày 12/7/2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Duy L (Tên gọi khác: L Sói) sinh ngày 18/6/1986 tại Gia Lai; nơi ĐKKHKT: Tổ N, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nơi cư trú hiện nay: Khóm M, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Khôi T và bà Nguyễn Thị P; sống chung như vợ chồng với Võ Kim T và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: (Ngày 10/4/2004, bị Công an phường A xử phạt hành chính “Cảnh cáo” về hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác. Ngày 08/6/2006, bị Tòa án nhân dân thị xã A xử phạt 15 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, đến ngày 15/5/2007 chấp hành xong hình phạt tù; ngày 10/10/2013 thi hành 200.000đồng tiền thu lợi bất chính; ngày 30/12/2013, được miễn toàn bộ nghĩa vụ phải thi hành của bản án. Ngày 23/9/2008, bị Tòa án nhân dân thị xã A xử phạt 12 tháng tù về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, đến ngày 21/7/2009 chấp hành xong hình phạt tù; ngày 10/10/2013 thi hành 193.320đồng tiền án phí; ngày 30/12/2013, được miễn nghĩa vụ thi hành phần án phí, phần bồi thường hết thời hiệu thi hành án. Ngày 27/02/2012, bị Công an thị xã A xử phạt hành chính 750.000đồng về hành vi xâm hại sức khỏe người khác,

ngày 15/11/2012 đã chấp hành xong. Ngày 17/3/2012, có hành vi đánh bạc, đến ngày 05/5/2012 bị UBND phường A, thị xã A áp dụng biện pháp giáo dục tại xã phường, ngày 10/11/2012 chấp hành xong). Bị bắt truy nã, tạm giữ từ ngày 09/02/2022, tạm giam từ ngày 12/02/2022 cho đến nay. Có mặt.

** Bị hại:*

1. Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ B, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Nguyễn Văn Th, sinh năm 1990; địa chỉ: xxx Phạm Văn Đồng, phường L, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

** Người làm chứng:*

1. Trần Quang V1, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ S, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. Phạm Minh T, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

3. Lê Trung Đ, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

4. Trần Thị Thu H, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn C, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

5. Nguyễn Thị Hồng H1, sinh năm 1997; địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

6. Phan Công V3, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn C, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng thời gian từ ngày 22/8/2015 đến ngày 01/10/2015 Nguyễn Duy L nhiều lần có hành vi mượn tài sản của người khác, sau đó nảy sinh ý định chiếm đoạt, rồi bỏ trốn chiếm đoạt tài sản của người khác phục vụ nhu cầu cá nhân, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Nguyễn Duy L và Nguyễn Hoàng V có mối quan hệ bạn bè. Sáng ngày 22/8/2015, Nguyễn Duy L điện thoại cho V rủ đi nhậu. V điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Exciter màu xanh-trắng, biển số 81G1-076.xx chở L đến nhậu tại quán Bảy Sự ở Tổ B, phường A, thị xã A. Khi đến quán, L nói V cho L mượn xe mô tô 81G1-076.xx để L chở bạn đến nhậu thì V đồng ý. Sau khi mượn xe của V, L điều khiển xe mô tô 81G1-076.xx chạy đến nhà bạn ở thôn A, xã P, huyện Đ để rủ đi nhậu nhưng bạn không có ở nhà. Lúc này, L nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô 81G1-076.xx của V nên lái xe bỏ trốn và không trả lại xe cho V. Sau khi liên lạc nhiều lần với L để đòi xe nhưng không được, ngày

23/8/2015 anh Nguyễn Hoàng V đến Cơ quan Công an thị xã A trình báo vụ việc Nguyễn Duy L chiếm đoạt xe mô tô.

Tại Kết luận định giá tài sản số 31/KLĐGTS ngày 11/9/2015 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã A xác định: Giá trị chiếc mô tô nhãn hiệu Yamaha-Exciter, mang biển kiểm soát 81G1-076.xx (đã qua sử dụng) là 32.562.000đồng (*Ba mươi hai triệu năm trăm sáu mươi hai ngàn đồng*).

Lần thứ hai: Khoảng tháng 9/2015, Nguyễn Duy L đi đến huyện Đ, tỉnh Gia Lai và ở nhờ tại nhà Hoàng Văn H ở thôn C, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Sáng ngày 01/10/2015, L rủ bạn là Nguyễn Văn Th đang làm công nhân tại nhà máy chế biến gỗ cao su Đ đi uống cà phê. Sau đó, Th điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha-Sirius biển số 77F1-224.xx chở L đi uống rượu cùng một số người bạn của Th. Trong lúc uống rượu, L mượn xe mô tô biển số 77F1-224.xx của Th để chở bạn gái là Nguyễn Thị Hồng H1 đến chơi thì Th đồng ý. Sau khi L chở H1 đến chơi, đến khoảng 13 giờ 00 phút cùng ngày, L rủ mọi người đi hát karaoke tại quán Sơn Thủy ở Tổ dân phố S, thị trấn Đ, huyện Đ. Trong quá trình hát, H1 đi bộ về trước. Khoảng 15 phút sau, L mượn xe mô tô biển số 77F1-224.xx và điện thoại di động nhãn hiệu Oppo-Five5 mini của Th để đi tìm H1 (do điện thoại của L hết pin) thì Th đồng ý. Khi không tìm thấy H1 thì L nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô và điện thoại của Th nên đã bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 49/ĐG-HĐ ngày 20/10/2015 của Tổ định giá tài sản liên quan đến tội phạm hình sự huyện Đ xác định: 01 xe mô tô biển kiểm soát 77F1-224.xx có giá trị 20.000.000đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo-Five5 có giá trị 4.000.000đồng, tổng cộng là 24.000.000đồng (*Hai mươi bốn triệu đồng*).

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra vụ án, bị hại Nguyễn Hoàng V yêu cầu bị cáo Nguyễn Duy L bồi thường số tiền 32.562.000 đồng (giá trị chiếc xe mô tô 81G1-076.xx do Lâm chiếm đoạt), đến nay Nguyễn Duy L chưa bồi thường cho anh V. Đối với tài sản của anh Nguyễn Văn Th do bị cáo L chiếm đoạt gồm xe mô tô 77F1-224.xx và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo-Five5 mini có tổng giá trị 24.000.000đồng. Do chưa làm việc được với bị hại là anh Nguyễn Văn Th nên chưa xác định được yêu cầu bồi thường. Nên tách phần dân sự yêu cầu bồi thường của anh Th để giải quyết bằng một vụ án dân sự theo thủ tục tố tụng dân sự khi anh Th có yêu cầu.

Tại Bản cáo trạng số: 17/CT-VKS ngày 31/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đã truy tố bị cáo Nguyễn Duy L về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy L phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 140; Điều 33; điểm p khoản 1 Điều 46;

điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Duy L từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Về dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Duy L phải bồi thường thiệt hại cho anh Nguyễn Hoàng V đối với chiếc xe mô tô Yamaha-Exciter, biển số 81G1-076.xx với số tiền là 32.562.000đồng. Đối với phần bồi thường dân sự cho anh Nguyễn Văn Th, tách ra để giải quyết bằng một vụ án dân sự theo thủ tục tố tụng dân sự khi anh Th có yêu cầu.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Duy L thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố của Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Hoàng V trình bày: Vào ngày 22/8/2015, Nguyễn Duy L có mượn của anh V 01 xe mô tô loại xe Exciter màu xanh-trắng, biển số 81G1-076.xx nhưng không thấy L trả xe, liên lạc nhiều lần với L để đòi xe nhưng không được nên anh đã làm đơn trình báo đến Công an thị xã A. Anh V yêu cầu bị cáo L bồi thường số tiền 32.562.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã A, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị hại và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án, do đó đã có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 22/8/2015 đến ngày 01/10/2015, Nguyễn Duy L nhiều lần lợi dụng sự tin tưởng của bạn bè, người quen để mượn tài sản, sau đó bỏ trốn để chiếm đoạt, cụ thể: Ngày 22/8/2015, tại Tổ B, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai, Nguyễn Duy L chiếm đoạt của anh Nguyễn Hoàng V 01 xe mô tô biển số 81G1-076.xx trị giá 32.562.000đồng. Ngày 01/10/2015, tại Tổ dân phố S, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, L tiếp tục thực hiện hành vi chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn Th 01 xe mô tô biển số 77F1-224.xx trị giá 20.000.000đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo-Five5 mini trị giá 4.000.000đồng rồi bỏ trốn. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo Nguyễn Duy L chiếm đoạt của anh V và anh Th là 56.562.000đồng (*Năm mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi hai ngàn đồng*). Do đó, hành vi của bị cáo Nguyễn Duy L đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Duy L hai lần thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản nên áp dụng tình tiết

tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội nhiều lần”, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 để xem xét giảm nhẹ khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo là người có nhân thân xấu, nhiều lần bị xử phạt tù về các hành vi trộm cắp tài sản, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và bị xử phạt vi phạm hành chính về các hành vi vi phạm pháp luật khác, nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, đặc điểm về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Xét thấy, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Về dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Duy L phải bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho anh Nguyễn Hoàng V với số tiền là 32.562.000đồng. Đối với phần bồi thường dân sự cho anh Nguyễn Văn Th, tách ra để giải quyết bằng một vụ án dân sự theo thủ tục tố tụng dân sự khi anh Th có yêu cầu.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 260; khoản 1 Điều 268; khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 140, Điều 33, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Căn cứ khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23; các Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy L phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy L 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 09/02/2022.

3. Về dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Duy L phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Hoàng V số tiền 32.562.000đồng (*Ba mươi hai triệu năm trăm sáu mươi hai ngàn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nếu không có thỏa thuận thì mức lãi suất thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Duy L phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.628.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (28/7/2022), bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Thời hạn trên đối với người vắng mặt tại phiên tòa được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Công an thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)
Đồng Ánh Đông